

Số: 3744/STC-QLNS

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý III năm 2018

Thực hiện Công văn số 1279/UBND-KT ngày 16/4/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Sở Tài chính báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Quý III năm 2018 như sau:

1. Về Thu ngân sách (Chi tiết tại Phụ biểu số 02):

Thực hiện thu trên địa bàn đạt 9.976,8 tỷ đồng, đạt 76,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 109,3% cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1.1. Thu nội địa thực hiện được 7.788,2 tỷ đồng, bằng 78,6% dự toán được giao và bằng 107,9% cùng kỳ năm trước.

Có 7/12 chỉ tiêu thu đảm bảo tiến độ, cụ thể các khoản thu đạt khá như:

- Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán giao 3.173 tỷ đồng, thực hiện được 2.463,5 tỷ đồng, bằng 77,6% dự toán, bằng 175,4% thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự toán giao 1.480 tỷ đồng, thực hiện được 1397,9 tỷ đồng, bằng 94,58% dự toán, bằng 102,6% thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Dự toán giao 140 tỷ đồng, thực hiện được 129,4 tỷ đồng, bằng 92,4% dự toán, bằng 90,5% cùng kỳ năm trước...

1.2. Thu xuất nhập khẩu đạt 2.154,6 tỷ đồng, bằng 67,3% dự toán và bằng 112,9% cùng kỳ năm trước.

1.3. Thu quản lý qua ngân sách thực hiện được 34 tỷ đồng.

1.4. Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 7.494,9 tỷ đồng, bằng 79,4% dự toán đầu năm.

2. Về chi ngân sách (Chi tiết tại phụ biểu 03):

Tổng chi ngân sách dự toán giao đầu năm là 13.829 tỷ đồng, thực hiện chi ngân sách địa phương Quý III/2018 đạt 7.807,3 tỷ đồng, bằng 56,5% dự toán đầu năm, bằng 110,4% cùng kỳ năm trước.

Trong đó chi cân đối ngân sách được 6.910 tỷ đồng, bằng 57% dự toán, bằng 107,6% cùng kỳ năm trước; trong chi cân đối thì chi đầu tư phát triển đạt 1.900,4 tỷ đồng (bằng 80,6% dự toán đầu năm và bằng 135,9% cùng kỳ năm trước), chi thường xuyên đạt 5.009,6 tỷ đồng (bằng 63,6% dự toán đầu năm và bằng 99,7% cùng kỳ năm trước).

Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án, nhiệm vụ khác đạt 897,3 tỷ đồng, bằng 52,9% dự toán đầu năm, bằng 137,5% cùng kỳ năm trước.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện thu chi ngân sách Quý III năm 2018 của Sở Tài chính Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c LĐ sở;
- Lưu: VT, QLNS.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ
TÀI CHÍNH

Vũ Việt Chinh

SỞ TÀI CHÍNH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 344/STC-QLNS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý III năm 2018	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2018	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.642.000	9.976.829	73,1	109,3
I	Thu cân đối NSNN	13.112.000	9.942.825	75,8	109,0
1	Thu nội địa	9.912.000	7.788.199	78,6	107,9
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.200.000	2.154.626	67,3	112,9
3	Thu từ dầu thô				
II	Thu quản lý qua ngân sách		34.004		
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	530.000		-	
B	TỔNG CHI NSDP	13.829.375	7.807.348	56,5	110,4
I	Chi cân đối NSDP	12.131.857	6.910.013	57,0	107,6
1	Chi đầu tư phát triển	2.358.540	1.900.398	80,6	135,9
2	Chi thường xuyên	7.872.606	5.009.615	63,6	99,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.300		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		-	
5	Dự phòng ngân sách	341.160		-	
6	Chi chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.555.251		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.697.518	897.335	52,9	137,5
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	120.000		-	
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	115.000		-	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 3144/STC-QLNS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý III năm 2018	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm 2018	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.112.000	9.976.828	76,1	109,3
I	Thu nội địa	9.912.000	7.788.199	78,6	107,9
1	Thu từ khu vực DNNN	1.010.000	719.508	71,2	100,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.173.000	2.463.539	77,6	175,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.480.000	1.397.874	94,5	102,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.130.000	799.301	70,7	104,0
5	Thuế bảo vệ môi trường	530.000	307.986	58,1	82,1
6	Lệ phí trước bạ	350.000	290.097	82,9	129,8
7	Các loại phí, lệ phí	200.000	133.514	66,8	79,2
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.712.000	1.384.014	80,8	70,8
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	15.520	129,3	137,0
-	Thu tiền sử dụng đất	1.300.000	1.141.812	87,8	69,2
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400.000	226.682	56,7	76,9
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140.000	129.352	92,4	90,5
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	12.000	8.633	71,9	108,8
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	10.000	10.302	103,0	97,3
13	Thu khác ngân sách	165.000	144.080	87,3	180,3
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.200.000	2.154.626	67,3	112,9
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu quản lý ngân sách		34.004		
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	9.437.300	7.494.887	79,4	
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%				

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 514/STC-QLNS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý III năm 2018	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2018	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	13.829.375	7.807.348	56,5	110,4
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	12.131.857	6.910.013	57,0	107,6
I	Chi đầu tư phát triển	2.358.540	1.900.398	80,6	135,9
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	754.040	641.677	85,1	98,9
2	Chi đầu tư XD CSHT từ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất 50 năm trả 1 lần	1.466.500	1.243.442	84,8	169,1
3	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định	6.000	-	-	-
4	Chi đầu tư phát triển khác	132.000	15.279	11,6	
II	Chi thường xuyên	7.872.606	5.009.615	63,6	99,7
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.347.602	2.017.144	60,3	107,7
2	Chi khoa học và công nghệ	27.800	24.120	86,8	118,1
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	913.943	595.915	65,2	91,4
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT	149.433	101.920	68,2	128,6
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	84.218	42.589	50,6	126,2
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	372.190	185.749	49,9	92,9
7	Chi sự nghiệp kinh tế	856.172	533.867	62,4	98,1
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.503.115	1.009.941	67,2	88,5
9	Chi đảm bảo xã hội	336.057	282.658	84,1	107,2
10	Chi quốc phòng an ninh địa phương	204.540	185.375	90,6	123,2
11	Chi khác ngân sách	77.536	30.337	39,1	45,6
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.300	-	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	
V	Dự phòng ngân sách	341.160	-	-	
VI	Chi chuyển nguồn thực hiện CCTL	1.555.251	-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.697.518	897.335	52,9	137,5

Chức

